

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

STT	Nội dung	Năm 2019		Dự toán năm 2020	So sánh (%) (5)
		Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019		
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	85.313.505	161.134.176	91.560.859	
	<i>Tổng thu NSDP không tính thu chuyển nguồn và thu kết dư</i>	<i>77.742.764</i>	<i>74.493.243</i>	<i>84.181.105</i>	<i>113,01%</i>
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	74.250.514	71.000.993	75.487.960	106,32%
	- Thu NSDP hưởng 100%	35.394.454	35.695.085	35.110.000	98,36%
	- Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	38.856.060	35.305.907	40.377.960	114,37%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.492.250	3.492.250	8.693.145	248,93%
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách	0	0	0	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	3.492.250	3.492.250	8.693.145	248,93%
III	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
III	Thu kết dư	0	57.253.668	0	0,00%
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	7.570.741	29.387.265	7.379.754	25,11%
	<i>Trong đó: Thu BS từ nguồn CCTL đưa vào cân đối chi TX</i>	<i>7.570.741</i>	<i>7.570.741</i>	<i>7.379.754</i>	<i>97,48%</i>
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	88.870.105	77.717.770	102.048.059	114,83%
	<i>Nếu không tính kinh phí chi TNTT theo Nghị quyết số 03</i>	<i>81.634.094</i>	<i>70.473.938</i>	<i>95.418.232</i>	<i>116,89%</i>
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	85.377.855	74.425.520	93.354.914	109,34%
1	Chi đầu tư phát triển (1)	31.617.256	22.610.702	36.103.906	114,19%
	<i>Trong đó: Chi Đầu tư phát triển từ nguồn bội chi NSDP</i>	<i>3.556.600</i>	<i>1.252.800</i>	<i>10.487.200</i>	<i>294,87%</i>
2	Chi thường xuyên	47.419.000	47.026.919	46.650.000	98,38%
	<i>Nếu không tính kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03 (2)</i>	<i>40.182.989</i>	<i>39.783.087</i>	<i>40.020.173</i>	<i>99,59%</i>
3	Chi trả nợ lãi vay	1.174.524	1.174.524	1.607.948	136,90%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400	11.400	11.400	100,00%
5	Dự phòng ngân sách	1.553.700	0	3.500.000	225,27%
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	4.388.973	3.601.975	6.287.938	143,27%
	- Tạo nguồn CCTL của Thành phố	3.601.975	3.601.975	5.481.660	152,18%
	- Tạo nguồn CCTL của Quận huyện (3)	786.998	0	806.278	102,45%
II	Chi chương trình mục tiêu (4)	3.492.250	3.292.250	8.693.145	248,93%
1	<i>Chi thực hiện Chương trình MTQG từ NSTW</i>				
2	<i>Chi thực hiện các TCMT, nhiệm vụ khác từ nguồn BSCMT của Ngân sách trung ương</i>	<i>3.492.250</i>	<i>3.292.250</i>	<i>8.693.145</i>	<i>248,93%</i>
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	0	0	
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.556.600	0	10.487.200	294,87%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	1.936.800	1.879.018	3.791.927	195,78%
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	1.936.800	0	3.703.700	191,23%
II	Từ nguồn kết dư ngân sách Thành phố	0	0	88.227	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	5.493.400	4.132.977	14.190.900	258,33%
I	Vay để bù đắp bội chi	3.556.600		10.487.200	294,87%
II	Vay để trả nợ gốc	1.936.800		3.703.700	191,23%

Ghi chú: (1) Dự toán chi Đầu tư phát triển đã bao gồm 14.190,9 tỷ đồng nguồn Chính phủ vay về cho vay lại

(2) Kinh phí thực hiện chi tăng thu nhập theo Nghị quyết 03 dự toán năm 2019 là 7.236 tỷ đồng; dự toán năm 2020 là 6.630 tỷ đồng

(3) Số kinh phí để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 của khối Quận huyện trích theo quy định là 806,278 tỷ đồng được phân bổ để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03 của khối Quận huyện và tổng hợp vào dự toán chi thường xuyên. Nguồn cải cách tiền lương của khối Thành phố là 5.481,660 tỷ đồng.

(4) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW

(5) Đối với các chi tiêu thu, so sánh DT năm 2020 với ước thực hiện năm 2019; Đối với các chi tiêu chi, so sánh DT năm 2020 với DT năm 2019